

Số: 757/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 767/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa:

Những người yêu cầu:

1. Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1992; CCCD số 001192***** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2022

Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: Tổ ** phường L, thành phố H (Số * ngách */**/*A phố T, phường L, thành phố H)

2. Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1981; CCCD số 036081***** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021

Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: Tổ ** phường L, thành phố H (Số * ngách */**/*A phố T, phường L, thành phố H)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (nay là phường Yên Sở, thành phố Hà Nội) ngày 10/5/2018 (Giấy chứng nhận kết hôn số **/2018). Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo

đức xã hội. Việc thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Phương L.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu P.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 13/11/2018 và Nguyễn Hà P, sinh ngày 19/3/2023. Ly hôn anh chị cùng thống nhất để chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, anh P cấp dưỡng nuôi hai con chung là 5.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng) cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Hữu P có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh chị cùng trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về công nợ chung: Anh chị cùng trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 001**** ngày 22/5/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VSKND khu vực 3 - Hà Nội;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Đồng Trung